

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2026/DS-ST
Ngày 07/8/2026
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín
dụng; Hợp đồng thế chấp”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn.
2. Ông Triệu Thành Vinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9- Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2026 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 236/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP L1. Địa chỉ: Số H, Ngõ A, đường T, Phường H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP L1. Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 1991 và anh Phan Vũ L, sinh năm 1991 và anh Huỳnh Phúc V, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: C Đại lộ Đ, Phường A, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Lư Thanh M, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long; chị Trần Thị T, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

Chị Như Ý có mặt yêu cầu xét xử vắng mặt; Anh M, chị T và bà T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2022 anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** có vay vốn tại **Ngân hàng TMCP L1** (tên gọi cũ là **Ngân hàng TMCP B**) - **Chi nhánh B1** (sau đây viết tắt là **Ngân hàng**) theo Hợp đồng tín dụng số HDTD25C2022052 ngày 06/05/2022, cụ thể như sau:

1. Số tiền vay: 500.000.000 đồng; Thời hạn vay từ 07/05/2022 đến ngày 29/04/2027; Lãi suất: 10.5%/năm; Cố định 3 tháng đầu. Tháng thứ 4 trở lên lãi suất điều chỉnh 3 tháng/ lần theo công thức: Lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + Margin (Margin tối thiểu 5.0%/năm) Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo vườn dừa và mua sắm vật dụng gia đình. Kỳ hạn trả nợ gốc: Nợ gốc trả thành 10 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 06 tháng) mỗi kỳ trả số tiền là 50.000.000 đồng. Kỳ trả gốc đầu tiên ngày 15/11/2022. Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 15/05/2022.

2. Tài sản đảm bảo khoản vay: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 6 tọa lạc **xã T, Tỉnh Vĩnh Long** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 749229, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08148 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp cho bà **Bùi Thị T1** vào ngày 18/03/2021 (bà **Bùi Thị T1** là mẹ ruột của anh **Lư Thanh M**) theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC25C2022047 ngày ký 06/05/2022 được ký kết giữa anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** với **Ngân hàng TMCP L1**, số công chứng 831, quyển số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD được xác lập và chứng nhận ngày 06/05/2022 tại **Văn Phòng C**.

3. Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng: Ngân hàng cấp thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/04/2022 cho anh **Lư Thanh M** cụ thể như sau: Loại thẻ: JCB STANDARD và VISA STANDARD; Hạn mức: 30.000.000 đồng; Lãi suất: 28%/năm; Mục đích sử dụng: Tiêu dùng; Kỳ hạn trả gốc lãi định kỳ: Thanh toán số tối thiểu gốc lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế chót sao kê ngày 20, thanh toán vào ngày 5 của tháng kế tiếp. Phí thường niên: Miễn phí năm đầu. Phí thường niên thu theo biểu phí hiện hành; Phí phạt chậm thanh toán: 3% số tiền tối thiểu chậm thanh toán, số tiền tối thiểu 50.000 đồng. Các nội dung khác được quy định tại Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế được công bố trên website **www.L2.com.vn** của Ngân hàng. Điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng quốc tế được công bố trên website **www.L2.com.vn** của Ngân hàng.

4. Thực hiện hợp đồng tín dụng số HDTD25C2022052 ngày 06/05/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 25C2022052/01 ngày 06/05/2022 với số tiền đã giải ngân là 500.000.000 đồng. Đến kỳ thanh toán ngày 15/04/2025, anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ lãi là 3.163.699 đồng nhưng anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** không thanh toán dẫn đến quá hạn. Ngày 07/08/2026 anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** đã thanh toán

được cho ngân hàng tổng số tiền là 454.196.029 đồng, trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng và nợ lãi là 154.196.029 đồng. Tính đến ngày 07/08/2026 ông **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** chưa thanh toán cho ngân hàng nợ gốc, nợ lãi và các khoản lãi chậm trả phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số HDTD25C2022052 ngày 06/05/2022, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 25C2022052/01 ngày 06/05/2022 tạm tính đến ngày 07/08/2026 là: 262.702.933 đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 36.139.726 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 2.712.386 đồng; Nợ lãi gốc quá hạn (nợ lãi quá hạn): 23.850.821 đồng

- Đối với thẻ tín dụng ngân hàng đã phát hành và bàn giao thẻ tín dụng JCB 356587*****0647 và VISA 480246*****1418 cho anh **Lư Thanh M** đồng hạn mức thẻ 30.000.000 đồng. Anh **Lư Thanh M** đã sử dụng thẻ và phát sinh dư nợ thẻ đối với thẻ tín dụng VISA, tuy nhiên đến ngày 05/04/2025 đến kỳ thanh toán dư nợ thẻ tín dụng anh **Lư Thanh M** không thanh toán dư nợ thẻ theo quy định dẫn đến khoản vay quá hạn. Tính đến ngày 07/08/2026 ông **Lư Thanh M** chưa thanh toán dư nợ thẻ 37.394.462 đồng

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở anh **Lư Thanh M** và bà **Trần Thị T** thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết tại hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 06/08/2026 khoản vay quá hạn 486 ngày kể từ ngày 15/04/2025.

Anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** đã vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng tín dụng số HDTD25C2022052 ngày 06/05/2022, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 25C2022052/01 ngày 06/05/2022 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/04/2022. Không thanh toán nợ lãi, nợ gốc đúng hạn cho Ngân hàng.

Ngân hàng TMCP L1 yêu cầu giải quyết:

1. Yêu cầu anh **M** và chị **T** phải có nghĩa vụ liên đới cho **Ngân hàng TMCP L1** nợ gốc là 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 36.139.726 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 2.712.386 đồng; Nợ lãi gốc quá hạn (nợ lãi quá hạn): 23.850.821 đồng

2. Buộc anh **Lư Thanh M** thanh toán dư nợ thẻ tạm tính đến ngày 07/08/2026 là 37.394.462 đồng

3. Buộc anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** tiếp tục phải chịu lãi phát sinh đối với Hợp đồng tín dụng số HDTD25C2022052 ngày 06/05/2022, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 25C2022052/01 ngày 06/05/2022 mà anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 08/8/2026 cho đến khi đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng mà anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** đã ký kết với Ngân hàng.

4. Buộc anh **Lư Thanh M** tiếp tục phải chịu lãi phát sinh đối với Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/04/2022 kể từ ngày 08/08/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ mà anh **Lư Thanh M** đã ký kết với Ngân hàng.

5. Ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ theo các

Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp đã ký thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Thông tin chi tiết về tài sản thế chấp: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 6 tọa lạc **xã T, Tỉnh Vĩnh Long** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CY 749229, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS08148 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp cho bà **Bùi Thị T1** vào ngày 18/03/2021.

6. Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng thì ông **Lư Thanh M** và bà **Trần Thị T** vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng theo đúng Hợp đồng tín dụng số HDTD25C2022052 ngày 06/05/2022. Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 25C2022052/01 ngày 06/05/2022

*Trong quá trình tố tụng anh **Lư Thanh M**, chị **Trần Thị T** và bà **Bùi Thị T1** không có lời khai.*

Anh **Lư Thanh M**, chị **Trần Thị T** và bà **Bùi Thị T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh **Lư Thanh M** cư trú tại **ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long**; Chị **Trần Thị T**, cư trú tại **ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long**. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Như Ý có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Như Ý.

- Anh **Lư Thanh M**, chị **Trần Thị T** và bà **Bùi Thị T1** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố

tụng dân sự nhưng anh **Lư Thanh M**, chị **Trần Thị T** và bà **Bùi Thị T1** đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **Lư Thanh M**, chị **Trần Thị T** và bà **Bùi Thị T1**.

[4] **Ngân hàng TMCP L1** yêu cầu:

- Buộc anh **M** và chị **T** phải có nghĩa vụ liên đới cho **Ngân hàng TMCP L1** nợ gốc là 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 36.139.726 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 2.712.386 đồng; Nợ lãi gốc quá hạn (nợ lãi quá hạn): 23.850.821 đồng.

- Buộc anh **Lư Thanh M** thanh toán dư nợ thẻ tạm tính đến ngày 07/08/2026 là 37.394.462 đồng.

[5] Xét các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thấy rằng:

[5.1] Hợp đồng tín dụng số HDTD25C2022052 ngày 06/05/2022, Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số: 25C2022052/01 ngày 06/05/2022 và Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/04/2022 giữa **Ngân hàng TMCP L1** với anh **M**, chị **T** phù hợp với các quy định của pháp luật; đáp ứng các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự và các văn bản pháp luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 12 của Hợp đồng tín dụng ngày 19/3/2024 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký. Từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với cam kết đã ký kết.

[5.2] Thực hiện Hợp đồng tín dụng số HDTD25C2022052 ngày 06/5/2022 **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** đã giải ngân cho anh **M** và chị **T** số tiền 500.000.000 đồng. Do anh **M** và chị **T** không thực hiện cam kết đã ký kết với Ngân hàng nên ngày 22/11/2024 **Ngân hàng B2** Thông báo về việc thông báo nợ quá hạn và ngày 12/12/2024 Ngân hàng ban hành Thông báo về việc thu hồi toàn bộ khoản nợ đối với anh **M** và chị **T**. Ngày 07/08/2026 anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** đã thanh toán được cho ngân hàng tổng số tiền là 454.196.029 đồng, trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng và nợ lãi là 154.196.029 đồng. Đối với Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/04/2022, anh **M** không trả vốn và lãi cho Ngân hàng. Mặc dù đến nay đã hết thời hạn vay thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng anh **M** và chị **T** vẫn chưa trả nợ gốc và nợ lãi như cam kết. Do đó, **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** khởi kiện buộc ông anh **M** và chị **T** phải liên đới trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 07/08/2026 là 262.702.933 đồng, buộc anh **M** trả cho Ngân hàng số tiền 37.394.462 đồng là phù hợp với Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 7,8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận.

[5.3] Hợp đồng thế chấp số HĐTC 25C2022047 ngày 06/5/2022 giữa **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** với anh **M**, chị **T** và bà **T1** được thực hiện đúng

theo quy định của pháp luật nên các bên phải thực quyền và nghĩa vụ với nhau. Yêu cầu của **Ngân hàng cổ phần L1** xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp anh **M** và chị **T** không trả được nợ là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp đã ký kết, phù hợp với quy định Thông tư 39/2016/TT-NHHC ngày 30/12/2016 và các Điều 299, 320 và Điều 323 Bộ luật Dân sự; các Điều 49 và 52 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên được chấp nhận.

[6] Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh **M** và chị **T** đối với **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1**. Nếu số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh **M** và chị **T** vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1**.

[7] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng do **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** nộp tạm ứng. Do yêu cầu của **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** được chấp nhận nên anh **M** và chị **T** phải hoàn trả số tiền này cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1**.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Do yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** chấp nhận nên anh **M** và chị **T** phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a, khoản 1 Điều 40, 147, 157, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 299, 303, 357, 418, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 102, 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 179 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 8, 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1**, cụ thể:

- Buộc anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** có nghĩa vụ liên đới trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** số tiền tính đến ngày 07/8/2026 là 262.702.933 đồng, trong đó: nợ gốc là 200.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 36.139.726 đồng; Nợ lãi chậm trả lãi: 2.712.386 đồng; Nợ lãi gốc quá hạn (nợ lãi quá hạn): 23.850.821 đồng.

- Anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả lãi trên dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

số Hợp đồng tín dụng số HDTD25C2022052 ngày 06/05/2022, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 25C2022052/01 ngày 06/05/2022 kể từ ngày 08/8/2026 cho đến khi trả hết nợ.

- Trường hợp anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: thửa đất số 140, tờ bản đồ số 06, diện tích 1712m² tọa lạc tại **xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long** do bà **Bùi Thị T1** đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC25C2022047 ngày 06/5/2022 để thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** đối với **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1**. Nếu số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1**.

2. Buộc anh **Lư Thanh M** trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** số tiền tạm tính đến ngày 07/08/2026 là 37.394.462 đồng và lãi suất quá hạn theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 25C2022052/01 ngày 06/05/2022 kể từ ngày 08/8/2026 cho đến khi trả hết nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 600.000 đồng do **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** nộp tạm ứng. Do yêu cầu của **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1** được chấp nhận nên anh **M** và chị **T** phải hoàn trả số tiền này cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần L1**.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại **cổ phần L1** được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.775.000 đồng theo biên lai thu số 0013381 ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

- Anh **Lư Thanh M** và chị **Trần Thị T** phải liên đới nộp là 13.135.146 đồng.

- Anh **Lư Thanh M** phải nộp là 1.869.723 đồng.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 9-Vĩnh Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

hành án dân sự./.